TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HƯNG YÊN** Bản án số: 64/2026/HS - ST Ngày: 31/3/2026	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quyết Thắng và Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Thư ký phiên tòa*:* Bà Phạm Thị Tươi – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 4 - Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Là – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên và ông Nguyễn Khắc H – Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hưng Yên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Hưng Yên, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 52/2026/TLST- HS ngày 20 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2026/QĐXXST - HS ngày 20 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trịnh Đình L**, sinh năm 1962 tại Hưng Yên; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; CCCD: 033062008565 cấp ngày 11/10/2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội; Trình độ học vấn: 7/10; Nghề nghiệp: Kinh doanh; HKTT: Thôn Đ, xã L, tỉnh Hưng Yên Con ông Trịnh Đình T và bà: Lê Thị V, sinh năm 1936 (đã chết); có vợ và có người 04 con; Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/12/2025 đến ngày 05/02/2026 được thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng:**

Lê Ngọc N, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn Đ, xã L, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

Bà Trịnh Thị T1, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn Đ, xã L, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

Nguyễn Văn T2, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn Đ, xã L, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

Trịnh Thị T3, sinh năm 1953; địa chỉ: thôn Đ, xã L, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

Phạm Thị M, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường T, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

Trịnh Đình S, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn Đ, xã L, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Hộ kinh doanh Trịnh Đình L được Phòng Tài chính – Kế hoạch UBND huyện V (*cũ*) cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 05B8005997 năm 2019, địa điểm kinh doanh tại: X nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH L1, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là xã L, tỉnh Hưng Yên); Ngành nghề kinh doanh: Tái chế phế liệu (tái chế kim loại chì); Mã số thuế 0901050817, đăng ký kê khai và nộp thuế tại Đội thuế liên huyện M - V (*Nay là Thuế cơ sở 2 - T tỉnh Hưng Yên*) theo phương pháp khoán từ năm 2019 đến nay, H1 kinh doanh kê khai và nộp thuế khoán với mức doanh thu là 15.000.000 đồng/01 tháng. Toàn bộ hoạt động kinh doanh và kê khai thuế của H1 kinh doanh Trịnh Đình L do Trịnh Đình L thực hiện và chịu trách nhiệm.

Quá trình hoạt động tái chế phế liệu, bị cáo L mua bình ắc quy cũ từ các cá nhân thu mua phế liệu nhỏ lẻ, sau đó tập kết tại địa điểm kinh doanh - Xưởng số 6. Thời gian đầu từ năm 2019 đến năm 2022, bị cáo L mang số bình ắc quy cũ mua được đến Công ty TNHH L1 để thuê công nhân thời vụ phá dỡ bình ắc quy, lấy bột chì và lá chì rồi nấu lại thành chì thỏi, nhựa sạch, kim loại màu và vỏ bao bì đã được làm sạch; Từ năm 2023 đến năm 2025, bị cáo L thuê công nhân đến kho Xưởng số 6 phá dỡ các bình ắc quy cũ, sau đó mang bột chì và lá chì đến Công ty TNHH L1 để thuê nấu lại thành các thỏi chì. Vỏ bình ắc quy L rửa bằng nước vôi trong, rồi phay nhỏ đựng vào bao tải để tại kho xưởng số 6. Theo đó, cứ 10 tấn bình ắc quy chì sau khi phá dỡ, nấu lại được khoảng 4,7 tấn chì thỏi và khoảng từ 1,22 tấn đến 1,23 tấn nhựa.

Số chì thỏi thu được sau khi nấu tái chế, L đã bán cho ông Lê Ngọc N, sinh năm 1964, trú tại: thôn Đ, xã L, tỉnh Hưng Yên. Thời gian đầu, L và ông N thanh toán bằng tiền mặt. Từ năm 2023, L nhận tiền thanh toán từ ông N bằng tài khoản của Trịnh Đình S (*là con trai L*) mở tại Ngân hàng V1; Đối với số nhựa thu được sau tái chế, L bán một phần cho bà Trịnh Thị T3, sinh năm 1953, trú tại: thôn N, xã L, tỉnh Hưng Yên, phần còn lại L bán cho một số cá nhân đến nay L không nhớ tên, tuổi, địa chỉ và số lượng cụ thể đã bán.

Quá trình điều tra xác định:

- Năm 2019, bị cáo L đã sản xuất và bán được 17.350 kg chì thỏi với giá 694.000.000 đồng; 4.835 kg nhựa với giá 53.185.000 đồng. Tổng số tiền đã thu **747.185.000** đồng.

- **Năm 2020**, bị cáo L đã sản xuất và bán được 182.885 kg chì thỏi với giá 7.315.400.000 đồng; 48.748 kg nhựa với giá 536.228.000 đồng. Tổng số tiền đã thu **7.851.628.000** đồng.

- **Năm 2021,** bị cáo L đã sản xuất và bán được 199.286 kg chì thỏi với giá 8.370.012.000 đồng; 52.855 kg nhựa với giá 581.405.000 đồng. Tổng số tiền đã thu **8.951.417.000** đồng.

- **Năm 2022**, bị cáo L đã sản xuất và bán được 117.158 kg chì với giá 5.037.794.000 đồng; 30.715 kg nhựa với giá 337.865.000 đồng. Tổng số tiền đã thu **5.375.659.000** đồng.

- **Năm 2023**, bị cáo L đã sản xuất và bán được 744.198,9 kg chì với giá 33.488.949.988 đồng; 207.399,7 kg nhựa với giá 2.281.396.700 đồng. Tổng số tiền đã thu **35.770.346.688** đồng.

- **Năm 2024**, bị cáo L đã sản xuất và bán được 1.295.462,7 kg chì với giá 60.886.748.000 đồng; 407.145,4 kg nhựa với giá 4.478.599.400 đồng. Tổng số tiền đã thu **65.365.347.400** đồng**.**

- **Năm 2025**, bị cáo L đã sản xuất và bán được 599.288,5 kg chì với giá 28.765.850.000 đồng; 188.347,8 kg nhựa với giá 2.071.825.800 đồng. Tổng số tiền đã thu **30.837.675.800** đồng.

Bản Kết luận giám định thuế ngày 28/10/2025 của Tổ giám định tư pháp Thuế tỉnh Hưng Yên, kết luận: Hành vi của H1 kinh doanh Trịnh Đình L kinh doanh sản xuất chì và tái chế phế liệu doanh thu không kê khai thuế, không nộp thuế từ năm 2019 đến tháng 3/2025 là hành vi trốn thuế. Số thuế trốn còn phải nộp là: **6.914.756.632** đồng (*Gồm:Thuế giá trị gia tăng 4.609.837.755 đồng; Thuế thu nhập cá nhân 2.304.918.877 đồng*). Hộ kinh doanh Trịnh Đình L đăng ký kê khai theo phương pháp khoán chưa sử dụng hóa đơn dẫn đến không được điều chỉnh tại các văn bản quy phạm pháp luật về xử phạt hành chính về hóa đơn.

Đối với hành vi không lập hóa đơn của L: Theo Kết luận giám định thuế ngày 28/10/2025 của Tổ giám định tư pháp Thuế tỉnh Hưng Yên xác định: Hộ kinh doanh Trịnh Đình L nộp thuế theo phương pháp khoán, không sử dụng hóa đơn nên không có hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm. Do vậy, không có căn cứ xử lý đối với hành vi này.

Quá trình điều tra, Trịnh Đình L thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên, lời khai của bị can phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số:27/CT-VKS – P3 ngày 20/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo Trịnh Đình L về tội *"Trốn thuế"* theo khoản 3 điều 200 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi trốn thuế như nội dung bản cáo trạng đã nêu và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và luận tội tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trịnh Đình L phạm tội "Trốn thuế".

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trịnh Đình L từ 1.500.000.000 đồng đến 1.700.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Về các biện pháp tư pháp: Tịch thu của bị cáo toàn bộ số tiền đã trốn thuế là **6.914.756.632** đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo ở giai đoạn điều tra đã nộp toàn bộ số tiền này tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, như vậy bị cáo đã thi hành xong đối với số tiền trốn thuế.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên và Viện Kiểm sát nhân dân khu vực D – Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của những người làm chứng và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến tháng 3/2025, Trịnh Đình L đã có hành vi nhiều lần không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp trong hoạt động sản xuất tái chế chì tại khu vực xưởng số 6 nằm trong khuôn viên của Công ty L1, xã L, tỉnh Hưng Yên, trốn thuế với số tiền **6.914.756.632** đồng.

Với hành vi nêu trên của bị cáo Trịnh Đình L đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Trốn thuế" theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo theo tội danh và Điều luật đã viện dẫn là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo trốn thuế trong nhiều năm, số tiền trốn thuế lớn, gây hậu quả nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước về quản lý thuế, gây thất thu cho ngân sách Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến tình hình phát triển kinh tế, chính sách thuế, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi "trốn thuế" là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi nên vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

* Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

* Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi trốn thuế từ năm 2019 đến tháng 9 năm 2025, mỗi năm kê khai, nộp thuế 01 lần, mỗi lần đều trốn thuế với số tiền trên 100.000.000 đồng, vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

* Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra; bị cáo đã tự mình khắc phục toàn bộ số tiền đã trốn thuế nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bố đẻ của bị cáo được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến; Ngoài ra bị cáo có đơn trình bày điều kiện hoàn cảnh của gia đình đang gặp rất nhiều khó khăn, bị cáo là lao động chính, trụ cột trong gia đình, bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất, có xác nhận và đề nghị của chính quyền địa phương nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế nên không cần thiết áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình, xã hội và phòng ngừa tội phạm chung đồng thời cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000đồng đến 100.000.000đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Đối với bị cáo L đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp: Tịch thu của bị cáo toàn bộ số tiền đã trốn thuế là **6.914.756.632** đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo ở giai đoạn điều tra đã nộp toàn bộ số tiền này tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, như vậy bị cáo đã thi hành xong đối với số tiền trốn thuế.

[7] Đối với hành vi không lập hóa đơn của L: Theo Kết luận giám định thuế ngày 28/10/2025 của Tổ giám định tư pháp Thuế tỉnh Hưng Yên xác định: Hộ kinh doanh Trịnh Đình L nộp thuế theo phương pháp khoán, không sử dụng hóa đơn nên không có hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm. Do vậy, không có căn cứ xử lý đối với hành vi này.

[8] Về án phí: Bị cáo Trịnh Đình L phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 200; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Đình L phạm tội "Trốn thuế".

Xử phạt bị cáo Trịnh Đình L số tiền 1.600.000.000 đ (một tỷ sáu trăm triệu đồng) nộp một lần sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp : Tịch thu của bị cáo toàn bộ số tiền đã trốn thuế là **6.914.756.632** đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo ở giai đoạn điều tra đã nộp toàn bộ số tiền này tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, như vậy bị cáo đã thi hành xong đối với số tiền trốn thuế.

4. Về án phí: Bị cáo Trịnh Đình L phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA - Tòa án tỉnh;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh;
- VKSND khu vực 4 – Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Bích Thủy